

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HƯNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 01/2023/HNGĐ - ST  
Ngày 09/01/2023  
V/v: Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Lan Phương

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Cao Thị Hưng
2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

***Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:*** Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 160/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2022, về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị B, sinh năm 1990

- **Bị đơn:** Anh Phạm Minh T, sinh năm 1977

Đều cùng địa chỉ: Thôn HT, xã ĐC, huyện ĐH, tỉnh TB.

(Tại phiên tòa có mặt chị B, vắng mặt anh T)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Bùi Thị B trình bày: Chị và anh Phạm Minh T kết hôn do tự nguyện ngày 12/4/2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐC, huyện ĐH, tỉnh TB. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị nghi ngờ anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng chị không cung cấp được tài liệu chứng cứ cho Tòa án, anh T không quan tâm đến mẹ con chị. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2022 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh Phạm Minh T.

**Về con chung:** Chị và anh Phạm Minh T có 01 con chung là Phạm Duy T1, sinh ngày 06/01/2014. Ly hôn chị xin nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

**Về tài sản chung:** Chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và xác minh với gia đình anh T thì được bố anh T là ông Phạm Minh C cung cấp như sau: Gia đình có nhận được được thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập của Tòa án gửi cho anh T và đã thông báo toàn bộ nội dung các văn bản trên cho anh T. Anh T đã biết việc chị B xin ly hôn anh T tại Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng. Anh T kết hôn với chị B năm 2013. Chị B và anh T mâu thuẫn là do chị B cho rằng anh T không quan tâm đến vợ con. Sau khi gia đình thông báo cho anh T về việc chị B xin ly hôn thì anh T có ý kiến là anh không đồng ý ly hôn để con chung được sống cùng với cả bố và mẹ. Về con chung, anh T và chị B có 01 con chung là Phạm Duy T1, sinh ngày 06/01/2014, anh T đề nghị giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp chị B được nuôi con chung thì anh T không cấp dưỡng nuôi con cùng chị B. Hiện chị B đang trực tiếp nuôi con chung.

**Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn là chị Bùi Thị B giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Phạm Minh T. Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Duy T1, sinh ngày 06/01/2014. Ly hôn chị xin nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Về tài sản chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn - chị Bùi Thị B đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn - anh Phạm Minh T đã không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị B : Cho chị B được ly hôn anh Phạm Minh T. Về con chung: Đề nghị xử giao con chung Phạm Duy T1, sinh ngày 06/01/2014 cho chị Bùi Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, chị B khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng chưa có lời khai của anh T về vấn đề này, do đó không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa chị B và anh T.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Minh T có nơi thường trú tại xã ĐC, huyện ĐH, tỉnh TB, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Bị đơn anh Phạm Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Phạm Minh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị B kết hôn với anh T ngày 12/4/2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐC, huyện ĐH, tỉnh TB là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, chị B nghi ngờ anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm đến mẹ con chị. Chị B xin ly hôn, anh T không có mặt tại Tòa án để làm việc. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã ĐC, huyện ĐH, tỉnh TB thì quá trình chung sống chị B và anh T có mâu thuẫn là do anh T ít quan tâm đến vợ con. Chị B xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, chị B và anh T đã sống ly thân từ tháng 01/2022, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B xử cho chị B được ly hôn anh T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị B và anh T có 01 con chung là Phạm Duy T1, sinh ngày 06/01/2014. Ly hôn chị B xin nuôi con chung, bố anh T khai anh T đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã ĐC xác định hiện chị B đang là người trực tiếp nuôi con chung và đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật. Xét thấy, con chung đang ở cùng chị B, cháu Phạm Duy T1 có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, cần giao con chung Phạm Duy T1 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là tự nguyện cần chấp nhận. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Anh Phạm Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị B khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng chưa có lời khai của anh T về vấn đề này, do đó không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa chị B và anh T.

[3] Về án phí: Chị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị B và anh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Điều 58; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Bùi Thị B được ly hôn anh Phạm Minh T.

**2. Về con chung:** Xử giao con chung Phạm Duy T1, sinh ngày 06/01/2014 cho chị Bùi Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Anh Phạm Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung:** Tòa án không giải quyết về tài sản.

**4. Về án phí:** Chị Bùi Thị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị B đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003196 ngày 18/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH thành tiền án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Chị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự, UBND xã ĐC;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*Đã ký*

**Phạm Thị Lan Phương**